

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHIẾU SÁNG
VÀ THIẾT BỊ ĐÔ THỊ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị (được viết là Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô Thị (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Khái quát chung

Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100106024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/5/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 24/11/2024.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Số 1, phố Vũ Đức Thận, P.Việt Hưng, Q.Long Biên, TP.Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 510.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm mười triệu đồng).

Ban lãnh đạo

Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị đã điều hành Tập đoàn trong năm tài chính 2024 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông Đặng Quốc Nam	Thành viên Hội đồng thành viên
Ông Thái Trần Đức	Thành viên Hội đồng thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Đặng Quốc Nam	Tổng Giám đốc
Ông Thái Trần Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Hùng	Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Bà Đặng Thị Lan Anh	Kiểm soát viên chuyên trách
Bà Phạm Linh Chi	Kiểm soát viên kiêm nhiệm

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tập đoàn được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty mẹ

Ban Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty mẹ được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được ghi chép và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Đặng Quốc Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHIẾU SÁNG VÀ THIẾT BỊ ĐÔ THỊ
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Số: 29/2025/AEA-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 42 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Chiêu sáng và Thiết bị Đô thị và các công ty con tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Văn Vụ
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN
kiểm toán số: 0638-2023-043-1
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Hữu Đông
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN
kiểm toán số: 0140-2023-043-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2024	01/01/2024
				trình bày lại
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		376.999.053.886	335.222.688.180
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	121.244.045.939	127.427.419.704
1. Tiền	111		41.244.045.939	41.072.873.612
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	86.354.546.092
II/ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.190.000.000	1.000.020.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	26.190.000.000	1.000.020.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.862.982.714	74.940.646.391
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	75.123.976.550	64.814.120.198
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	8.159.970.760	7.381.860.404
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	5.593.089.629	5.039.844.172
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.014.054.225)	(2.302.395.383)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.06	-	7.217.000
IV/ Hàng tồn kho	140	V.08	138.789.952.583	119.402.767.505
1. Hàng tồn kho	141		145.851.933.456	128.525.268.617
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.061.980.873)	(9.122.501.112)
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		9.912.072.650	12.451.834.580
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	816.260.528	667.881.502
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.961.155.898	9.454.385.461
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.17	3.134.656.224	2.329.567.617
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		222.790.813.178	226.494.580.988
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		1.600.587.912	(7.675.622.545)
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	24.790.168.349	26.722.877.349
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.11	612.725.000	612.725.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.12	837.792.557	457.215.624
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(24.640.097.994)	(35.468.440.518)
II/ Tài sản cố định	220		196.392.893.746	209.766.698.339
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	114.055.642.809	125.074.371.394
- Nguyên giá	222		279.523.344.945	279.663.913.062
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(165.467.702.136)	(154.589.541.668)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	82.337.250.937	84.692.326.945
- Nguyên giá	228		103.938.059.949	103.938.059.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.600.809.012)	(19.245.733.004)
III/ Bất động sản đầu tư	230	V.17	13.051.792.098	13.387.792.098
- Nguyên giá	231		16.747.792.098	16.747.792.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.696.000.000)	(3.360.000.000)
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240	V.15	6.402.557.726	6.333.982.015
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.639.853.295	1.571.277.584
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.762.704.431	4.762.704.431
V/ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.252.044.618	3.252.044.618
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	3.252.044.618	3.252.044.618
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		2.090.937.078	1.429.686.463
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	2.090.937.078	1.429.686.463
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		599.789.867.064	561.717.269.168

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2024	01/01/2024
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		156.047.529.227	119.926.659.324
I/ Nợ ngắn hạn	310		146.626.016.139	111.974.830.374
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.18	33.263.575.637	22.481.814.523
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	31.161.093.092	15.178.583.694
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.20	1.335.778.947	2.131.321.577
4. Phải trả người lao động	314		12.712.476.290	13.312.338.046
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	791.444.082	4.533.831.674
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	52.900.000	52.900.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	3.787.997.222	3.431.700.013
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	50.000.000	50.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.25	21.715.864.118	16.953.158.983
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		41.754.886.751	33.849.181.864
II/ Nợ dài hạn	330		9.421.513.088	7.951.828.950
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.19	2.393.390.057	2.393.390.057
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.26	1.798.905.494	1.798.905.494
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.27	158.821.116	204.250.978
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.28	5.070.396.421	3.555.282.421
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		443.742.337.837	441.790.609.844
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.29	443.742.337.837	441.790.609.844
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		412.643.721.072	409.883.852.692
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		412.643.721.072	409.883.852.692
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		404.110.058	404.110.058
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.575.562.118	919.291.025
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.755.020.437	5.428.299.014
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(185.870.379)	3.197.403.055
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.940.890.816	2.230.895.959
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		14.321.088.936	14.321.088.936
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		11.042.835.216	10.833.968.119
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		599.789.867.064	561.717.269.168



Đặng Quốc Nam
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Trần Việt Hùng
Kế toán trưởng

Phạm Linh Chi
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023 trình bày lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	365.573.139.253	306.092.373.233
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		365.573.139.253	306.092.373.233
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	304.452.677.590	247.449.219.898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		61.120.461.663	58.643.153.335
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	4.164.578.602	3.343.564.611
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	56.423.394	52.963.306
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.104.607	20.671.397
8. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty LDLK	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.07	10.680.780.255	9.092.166.253
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	38.954.114.034	43.557.159.686
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.593.722.582	9.284.428.701
12. Thu nhập khác	31	VI.05	2.158.105.955	3.709.796.259
13. Chi phí khác	32	VI.06	1.345.501.697	197.063.888
14. Lợi nhuận khác	40		812.604.258	3.512.732.371
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.406.326.840	12.797.161.072
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	3.321.287.328	2.519.288.139
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(45.429.862)	(54.679.929)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.130.469.374	10.332.552.862
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		12.811.906.794	9.998.302.417
18.2. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		318.562.580	334.250.445



Đặng Quốc Nam
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Trần Việt Hùng
Kế toán trưởng

Phạm Linh Chi
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2024	Năm 2023 Trình bày lại
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	16.406.326.840	12.797.161.072
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	15.098.253.932	15.094.916.922
- Các khoản dự phòng	03	(353.978.547)	10975763381
- Lãi, lỗ CLTGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	39.936.280	22.967.492
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.148.691.307)	(3.548.479.309)
- Chi phí lãi vay	06	6.104.607	20.671.397
- Các khoản điều chỉnh khác	07	1.515.114.000	1.143.100.704
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	29.563.065.805	36.506.101.659
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(7.400.939.142)	(6.268.687.511)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	(17.395.240.550)	13575734692
Tăng giảm các khoản phải trả	11	23.393.786.845	(5.280.466.877)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(809.629.641)	217.737.316
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.104.607)	(20.671.397)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.115.784.965)	(2.774.922.236)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	66.410.000	175.935.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.344.327.980)	(2.357.457.702)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.951.235.765	33.773.302.944
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác	21	(3.605.743.765)	(3.020.208.868)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	265.000.000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(87.895.304.131)	(11.346.153.500)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	62.705.324.131	11.435.101.040
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.695.140.569	3.145.813.025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.100.583.196)	479.551.697
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(4.547.309.150)	-
3 Tiền thu từ đi vay	33	4.547.309.150	900.000.000
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(900.000.000)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(43.767.585)	(127.443.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.767.585)	(127.443.298)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.193.115.016)	34.125.411.343
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	127.427.419.704	93.292.662.484
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.741.251	9.345.877
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	121.244.045.939	127.427.419.704



Đặng Quốc Nam
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Trần Việt Hùng
Kế toán trưởng

Phạm Linh Chi
Người lập biểu